TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂKHÀ **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:69/2020/QĐST-HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 22 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ – TỈNH KONTUM

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81,82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 77/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về *việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Hồng Th; sinh năm: 1979;

- Anh Trần Ngọc V; sinh năm: 1977;

Cùng địa chỉ: TDP 7, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Trần Ngọc V kết hôn hợp pháp ngày 25/8/2008 tại UBND thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn thì đời sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, không ai tin tưởng ai. Cuộc sống hôn nhân ngày càng trở nên mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được.Vợ chồng bất đồng quan điểm liên tục dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, nên đã thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng thuận tình ly hôn. Xét thấy việc ly hôn là hoàn toàn tự nguyện vì vậy cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 04 (bốn) con chung là Trần Hạnh D; sinh ngày: 16/5/2003; cháu Trần Hạnh N; sinh ngày 02/03/2006; cháu Trần Hạnh V; sinh ngày 13/10/2008; cháu Trần Kiều B; sinh ngày 09/9/2012. Các đương sự thỏa thuận giao cả bốn con D, N, V, B cho chị Nguyễn Thị Hồng Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi ly hôn theo quyết định của Tòa án cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và sống tự lập được. Anh Trần Ngọc V có trách Nệm cấp dưỡng số tiền *2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng trên tháng)* để nuôi con chung là cháu Trần Hạnh N và cháu Trần Hạnh V, mỗi cháu *1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng trên tháng)*, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi các cháu trưởng

thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập được. Đối với 02 con chung (là cháu Trần Hạnh D; Trần Kiều B) anh Trần Ngọc V không phải cấp dưỡng.

Đến thời hạn cấp dưỡng tiền nuôi con, nếu anh Trần Ngọc V không cấp dưỡng hoặc cấp dưỡng không đủ số tiền nuôi con đã thỏa thuận, chị Nguyễn Thị Hồng Th có đơn yêu cầu thi hành án thì anh Võ còn phải trả lãi với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng theo lãi suất quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* các đương sự phải chịu, chị Nguyễn Thị Hồng Th thỏa thuận chịu toàn bộ. Đây là đương sự tự nguyện nhận chịu, xét thấy phù hợp cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Người yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Trần Ngọc V thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Các đương sự thỏa thuận chị Nguyễn Thị Hồng Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 04 (bốn) con chung là cháu Trần Hạnh D; sinh ngày: 16/5/2003; cháu Trần Hạnh N; sinh ngày 02/03/2006; cháu Trần Hạnh V; sinh ngày 13/10/2008; cháu Trần Kiều B; sinh ngày 09/9/2012. Anh Trần Ngọc V có trách Nệm cấp dưỡng số tiền *2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng trên tháng)* để nuôi hai con chung là cháu Trần Hạnh N và cháu Trần Hạnh V, mỗi cháu *1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng trên tháng)*, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập được. Đối với 02 con chung (là cháu Trần Hạnh D; Trần Kiều B) anh Trần Ngọc V không phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Đến thời hạn cấp dưỡng tiền nuôi con, nếu anh Trần Ngọc V không cấp dưỡng hoặc cấp dưỡng không đủ số tiền nuôi con đã thỏa thuận, chị Nguyễn Thị Hồng Th có đơn yêu cầu thi hành án thì anh Trần Ngọc V còn phải trả lãi với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng theo lãi suất quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* các đương sự phải chịu. Chị Nguyễn Thị Hồng Th thỏa thuận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà chị Nguyễn Thị Hồng Th đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004286 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Hồng Th đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Đương sự;
- VKSND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;
- UBND thị trấn Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Lê Quý Nhân